TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **2573**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-12-2023
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Thông

Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 14/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 193/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2022 về "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4865/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15298/2023/QĐHPT – HNGĐ ngày 14/11/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Tuyết P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 43/10B đường PVĐ, ấp TL 1, xã BĐ, huyện HM, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Ông Trịnh Bửu V, sinh năm 1979.

Địa chỉ tại nước Nhật Bản: Nhà máy AGC 230 – 0052 Kanagawaken, Tsurumiku Namamugi 2 – 3 – 1, Japan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P trình bày:

Bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Trịnh Bửu V kết hôn năm 2009 theo Giấy chứng nhận đã kết hôn số 347 quyển số 02/2009 ngày 14/12/2009 do Ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện HM, Thành phố H cấp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Trịnh Bửu V không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng nhiều lần tranh cãi nhau, bà Nguyễn Thị Tuyết P đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống gần 05 (Năm) năm nay, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, hiện nay ông Trịnh Bửu V đang sinh sống, làm việc tại nước Nhật Bản. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị Tuyết P yêu cầu ly hôn ông Trịnh Bửu V.

Con chung: Có một con chung tên Trịnh Trí K, sinh ngày 01/9/2011, hiện trẻ Trí K đang sinh sống cùng bà Nguyễn Thị Tuyết P. Ly hôn, bà Nguyễn Thị Tuyết P yêu cầu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ Trí K, không yêu cầu ông Trịnh Bửu V cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trịnh Bửu V:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố H đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ cho ông Trịnh Bửu V; Tòa án nhân dân Thành phố H thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm cho ông Trịnh Bửu V biết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Trịnh Bửu V vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tuyết P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông Trịnh Bửu V vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Trịnh Bửu V không còn tồn tại, mỗi người sinh sống một nơi, không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình, khả năng đoàn tụ không có. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết P ly hôn ông Trịnh Bửu V.

Về con chung: Có một con chung tên Trịnh Trí K, sinh ngày 01/9/2011, bà Nguyễn Thị Tuyết P đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trịnh Trí K, bà Nguyễn Thị Tuyết P yêu cầu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ Trịnh Trí K, không yêu cầu ông Trịnh Bửu V cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nguyện vọng của trẻ Trịnh Trí K. Nhằm đảm bảo lợi ích chính đáng của trẻ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết P.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Trịnh Bửu V, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trịnh Bửu V đang cư trú tại nước Nhật Bản, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P cư trú tại huyện HM, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P và bị đơn ông Trịnh Bửu V tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn ông Trịnh Bửu V:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố H đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ cho ông Trịnh Bửu V; Tòa án nhân dân Thành phố H thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm cho ông Trịnh Bửu V biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2023, Tòa án nhân dân Thành phố H nhận được Công văn số 2271/BTP – PLQT ngày 03/7/2023 của Bộ Tư pháp trả lời Cơ quan có thẩm quyền của nước Nhật Bản đã thực hiện ủy thác tư pháp bằng phương thức tống đạt trực tiếp cho ông Trịnh Bửu V ngày 21/7/2023. Tuy nhiên, ông Trịnh Bửu V không phản hồi, không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ngày 14/11/2023, Tòa án nhân dân Thành phố H mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất; Ông Trịnh Bửu V vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông Trịnh Bửu V vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Khoản 3 Điều 474 và Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P đối với bị đơn ông Trịnh Bửu V, xét thấy:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; Đối với bị đơn ông Trịnh Bửu V vắng mặt không có lý do nên được xem bị đơn ông Trịnh Bửu V từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo qui định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P cung cấp và Tòa án thu thập để xét xử vụ án.

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận đã kết hôn số 347 quyển số 02/2009 ngày 14/12/2009 do Ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện HM, Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Trịnh Bửu V; Có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Trịnh Bửu V là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Thị Tuyết P yêu cầu ly hôn ông Trịnh Bửu V với lý do trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Trịnh Bửu V không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng nhiều lần tranh cãi nhau, bà Nguyễn Thị Tuyết P đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống gần 05 (Năm) năm nay, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, hiện nay ông Trịnh Bửu V đang sinh sống, làm việc tại nước Nhật Bản. Đối với ông Trịnh Bửu V, Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp đúng quy định của pháp luật, ông Trịnh Bửu V nhận được nhưng không có phản hồi, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Trịnh Bửu V không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình, khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết P ly hôn ông Trịnh Bửu V theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có một con chung tên Trịnh Trí K, sinh ngày 01/9/2011.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết P về việc trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ Trịnh Trí K, không yêu cầu ông Trịnh Bửu V cấp dưỡng nuôi con, xét thấy: Hiện nay trẻ Trịnh Trí K đang được bà Nguyễn Thị Tuyết P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục, chưa có biểu hiện bà Nguyễn Thị Tuyết P nuôi dưỡng con không tốt, bà Nguyễn Thị Tuyết P có nơi cư trú, có thập nhập ổn định. Mặt khác, theo bản tự khai của trẻ Trịnh Trí K trình bày có nguyện vọng sống chung với bà Nguyễn Thị Tuyết P. Nhằm đảm bảo quyền lợi của trẻ Trịnh Trí K được ổn định về tâm sinh lý, tình cảm, môi trường đang sống, việc bà Nguyễn Thị Tuyết P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ Trịnh Trí K sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ. Căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết P. Về cấp dưỡng nuôi con, bà Nguyễn Thị Tuyết P không yêu cầu ông Trịnh Bửu V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết P trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa: Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 474, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P đối với bị đơn ông Trịnh Bửu V:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết P ly hôn ông Trịnh Bửu V.

Giấy chứng nhận đã kết hôn số 347 quyển số 02/2009 ngày 14/12/2009 do Ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện HM, Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Trịnh Bửu V không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung, người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:*

Có một con chung tên: Trịnh Trí K, sinh ngày 01/9/2011.

Giao con chung trẻ Trịnh Trí K cho bà Nguyễn Thị Tuyết P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Trịnh Bửu V cho đến khi có yêu cầu.

Ông Trịnh Bửu V có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Tuyết P phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002137 ngày 12/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. *Về quyền kháng cáo Bản án:*

Bà Nguyễn Thị Tuyết P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Trịnh Bửu V cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND xã BĐ, HHM, TPH;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Phan Trịnh Minh Đức